

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 566/2022/KDTM-PT

Ngày: 14/9/2022

Về việc tranh chấp

hợp đồng mua bán hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương

Các Thẩm phán: Bà Phùng Thị Như Mai

Bà Hoàng Thị Bích Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Thy Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2022/TLPT-KDTM ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/KDTM-ST ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4210/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10975/2022/QĐ-PT ngày 22/8/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV thiết bị điện T

Trụ sở: W đường BD, Phường I, Quận I, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Mai Hồng Đ và bà Đồng Thị Ngọc A; địa chỉ liên hệ: Số 41 đường BD, Phường W, quận TB, Thành phố H (Theo giấy ủy quyền ngày 13/9/2022) - Có mặt

2. Bị đơn: Công ty cổ phần Đ

Trụ sở: Số 13-15 đường NVN, Phường U, quận GV, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lại Huy T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số 67 X, phường TĐ, thành phố TĐ, Thành phố H (Theo giấy ủy quyền đề ngày 31/01/2021) - Vắng mặt.

Người kháng cáo: Công ty cổ phần Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH MTV thiết bị điện T (gọi tắt là Công ty T) có ký kết hợp đồng kinh tế số: TMC/DOC6-120917 ngày 12/9/2017 về việc mua bán vật tư với Công ty cổ phần Đ (gọi tắt là Công ty Đ). Theo đó, Công ty T phụ trách việc bán theo danh mục đèn cho công trình Chung cư AHi 3 G theo bảng kê chi tiết đính kèm trong phụ lục hợp đồng số: PLTMC/DOC-120917 với tổng giá trị hợp đồng là 1.152.908.494 đồng. Ngày 05/6/2018, Công ty T đã hoàn thành việc giao hàng cho Công ty Đ với tổng giá trị số hàng hóa là 391.394.150 đồng và được phía Công ty Đ xác nhận đã nhận hàng. Tuy nhiên, Công ty Đ chỉ thanh toán cho Công ty T số tiền 193.790.840 đồng, trong đó gồm: Tiền đặt cọc hàng là 115.290.840 đồng vào ngày 22/09/2017 và tiền đặt cọc giao hàng đợt 1 là 78.500.000 đồng vào ngày 28/05/2018, còn nợ lại 197.603.310 đồng. Số tiền còn nợ đã được Công ty T đề cập đến trong biên bản đối chiếu công nợ và đã gửi đến cho Công ty Đ. Biên bản đối chiếu công nợ đã được nhân viên ở tại công trình cũng như quản lý công trình Chung cư AH3 ký xác nhận. Theo quy định tại hợp đồng thì sau khi giao hàng hóa và các giấy tờ theo yêu cầu cho Công ty Đ thì Công ty Đ phải có nghĩa vụ thanh toán giá trị đơn hàng trong vòng 15 ngày kể từ ngày giao hàng.

Như vậy, sau khi nhận được đầy đủ hàng hóa và các giấy tờ kèm theo thì phía Công ty Đ phải có trách nhiệm thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ. Cụ thể, đến ngày 20/6/2018 Công ty Đ phải có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ số tiền này. Do Công ty Đ chậm trả tiền nên theo hợp đồng tiền lãi phạt quá hạn sẽ là 0,1%/ngày trên tổng giá trị quá hạn của hợp đồng, nhưng không được quá 5% giá trị hợp đồng. Tuy nhiên, yêu cầu tính lãi quá hạn 0,1%/ngày là quá cao so với mức lãi suất trên thị trường nên phía nguyên đơn xin điều chỉnh lãi suất chậm trả là 0,83%/ngày, tương đương với 10%/năm, tương ứng với số tiền là 69.161.158 đồng nhưng không được quá 5% giá trị hợp đồng là 57.645.424 đồng. Nên số tiền lãi chậm trả nguyên đơn yêu cầu là 57.645.424 đồng.

Công ty T đã nhiều lần nhắc nhở thông qua email, gửi bưu điện yêu cầu Công ty Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận trong hợp đồng nhưng Công ty Đ không có thiện chí trong việc trả nợ. Do đó, Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét buộc Công ty Đ phải thanh toán cho Công ty T tổng số tiền là: 255.275.735 đồng, trong đó gồm tiền hàng còn nợ là 197.630.310 đồng và tiền lãi là 57.645.424 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, yêu cầu Công ty Đ còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho đến ngày Công ty Đ thanh toán dứt nợ cho Công ty T theo mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn trình bày:

Bị đơn xác nhận có ký hợp đồng như nguyên đơn trình bày, tuy nhiên hiện nay bị đơn chưa thu thập được hồ sơ để đối chiếu công nợ, do đó bị đơn chưa có

ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn sẽ cung cấp tài liệu chứng cứ trong lần hòa giải tiếp theo. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp lời khai cũng như chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/KDTM-ST ngày 06 tháng 1 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV thiết bị điện T.

2. Buộc Công ty cổ phần Đ trả cho Công ty TNHH MTV thiết bị điện T số tiền vốn là 197.603.310 (Một trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm lẻ ba ngàn ba trăm mười) đồng và tiền lãi là 57.645.425 (Năm mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn bốn trăm hai mươi lăm) đồng, tổng cộng vốn và lãi là 255.275.735 (Hai trăm năm mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn bảy trăm ba mươi lăm) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty TNHH MTV thiết bị điện T cho đến khi thi hành án xong, Công ty cổ phần Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án sơ thẩm cũng xác định trách nhiệm chịu án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/2/2022, bị đơn Công ty cổ phần Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn do không đủ chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo được nộp trong thời hạn quy định nên hợp lệ.

+ Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ để triệu tập đại diện bị đơn Công ty cổ phần Đ là ông Lại Huy T đến tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm vào lúc 8 giờ 00 ngày 22/8/2022 (lần 1) và 08 giờ 00 ngày 14/9/2022 (lần 2) nhưng ông Lại Huy T đều vắng mặt. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn do không đủ chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về hình thức của đơn kháng cáo: Xét thấy đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[2.2] Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử có nhận định như sau:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ gồm: Hợp đồng kinh tế số TMC/DOC6-120917 ngày 12/9/2017 về việc mua bán vật tư giữa Công ty T với Công ty cổ phần Đ, bảng kê chi tiết đính kèm trong phụ lục số “PLTMC/DO6-120917”, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000423 ngày 05/6/2018, Biên bản giao nhận chứng từ, Biên bản đối chiếu công nợ, sao kê tài khoản; Căn cứ kết quả trả lời tại Công văn số 10532/CTTPHCM ngày 05/9/2022 của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc cung cấp tài liệu chứng cứ thì “căn cứ hồ sơ do Công ty cổ phần Đ cung cấp thì hóa đơn giá trị gia tăng số 0000423 ngày 05/6/2018 doanh nghiệp đã kê khai vào tờ khai thuế giá trị gia tăng quý 4/2018” có cơ sở xác định: Giữa Công ty T và Công ty Đ có phát sinh quan hệ mua bán hàng hóa vật tư, phía Công ty T đã giao cho Công ty Đ đơn hàng trị giá 391.394.150 đồng và bộ chứng từ nhưng phía bị đơn chỉ mới thanh toán (cân trừ vào số tiền đã đặt cọc) được số tiền 193.790.840 đồng, còn lại số tiền hàng đến nay chưa thanh toán là 197.603.310 đồng. Như vậy Công ty Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được các bên thỏa thuận tại Điều 2 của Hợp đồng kinh tế số TMC/DOC6-120917 ngày 12/9/2017 là 15 ngày kể từ ngày giao hàng nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền hàng còn nợ 197.603.310 đồng là có cơ sở.

Về phạt vi phạm hợp đồng: Tại Điều 2 của Hợp đồng kinh tế số TMC/DOC6-120917 ngày 12/9/2017 hai bên có thỏa thuận mức phạt 0,1%/ngày trên tổng giá trị quá hạn của hợp đồng nhưng không quá 5% giá trị hợp đồng. Nguyên đơn đã tính lãi từ ngày 20/6/2018 theo mức lãi suất điều chỉnh 10%/năm (tương đương 0,83%/ngày) là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường đã được Tòa án cấp sơ thẩm thu thập từ 3 ngân hàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm, tương ứng với số tiền 69.161.158 đồng nhưng không được quá 5% giá trị hợp đồng là 57.645.425 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi này là có cơ sở, phù hợp với thỏa thuận của hai bên tại hợp đồng và phù hợp quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần Đ, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Đ phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 12.763.787 đồng.

Công ty T không phải chịu án phí nên được hoàn lại tiền tạm nộp án phí là 6.381.894 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0027711 ngày 25/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là Công ty cổ phần Đ phải chịu án phí phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148, Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 và 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần Đ, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Tuyên xử:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV thiết bị điện T.

Buộc Công ty cổ phần Đ trả cho Công ty TNHH MTV thiết bị điện T số tiền hàng còn nợ là 197.603.310 (*Một trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm lẻ ba ngàn ba trăm mười*) đồng và tiền lãi là 57.645.425 (*Năm mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn bốn trăm hai mươi lăm*) đồng, tổng cộng là 255.275.735 (*Hai trăm năm mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn bảy trăm ba mươi lăm*) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty TNHH MTV thiết bị điện T cho đến khi thi hành án xong, Công ty cổ phần Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty cổ phần Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại là 12.763.787 (Mười hai triệu bảy trăm sáu mươi ba ngàn bảy trăm tám mươi bảy) đồng.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty TNHH MTV thiết bị điện T là 6.381.894 (Sáu triệu ba trăm tám mươi một ngàn tám trăm chín mươi bốn) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0027711 ngày 25/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Công ty cổ phần Đ phải chịu là 2.000.000 (Hai triệu) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do Công ty cổ phần Đ đã nộp là 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0047703 ngày 18/2/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cổ phần Đ đã nộp đủ án phí phúc thẩm theo quy định.

3. Các bên đương sự thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND TPHCM;
- TAND Q.Gò Vấp;
- Cục THADS TP HCM;
- Chi cục THADS Q.Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hương

